

L, ngày 27 tháng 11 năm 2019.

Số: 110/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: anh Phạm Văn H, sinh năm 1971

- Bị đơn: chị Đào Thị M, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: thôn Q, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm d, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Phạm Văn H và chị Đào Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: anh Phạm Văn H và chị Đào Thị M nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có hai con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 18/5/2001 và Phạm Văn H, sinh ngày 27/6/1993 đã trưởng thành; anh H, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Tòa án ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

Anh Phạm Văn H để lại toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho chị Đào Thị M sử dụng. Cụ thể như sau:

- Diện tích 720 m² đất ở, đất vườn tại xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình, tờ bản đồ 04, số thửa 4b; sổ vào sổ cấp 01656/QSDĐ/UBND, do Chủ tịch Ủy ban nhân huyện L ngày

22/4/2002 cùng toàn bộ tài sản trên đất.

- Diện tích 181,5 m² đất trồng lúa nước, thửa số 562, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: L Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình; số vào sổ cấp GCN: CH06608, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 31/12/2015.

- Diện tích 621,8 m² đất trồng lúa nước, thửa số 118, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: S T, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình; số vào sổ cấp GCN: CH06613, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 31/12/2015.

- Diện tích 540,6 m² đất trồng lúa nước, thửa số 320, tờ bản đồ 27, địa chỉ: Đ R, xã Y, huyện L, Hòa Bình; số vào sổ cấp GCN: CH 06609, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 31/12/2015.

- Diện tích 351,4 m² đất chuyên trồng lúa nước, thửa số 148, tờ bản đồ 33, địa chỉ: S T, xã Y, huyện L, Hòa Bình; số vào sổ cấp GCN: CH06612, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 31/12/2015.

- Diện tích 381,1 m² đất trồng lúa nước, thửa số 210, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: C B D, xã Y, huyện L, Hòa Bình; số vào sổ cấp GCN: CH06610, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 31/12/2015.

- Diện tích 593,6 m² đất trồng lúa nước, thửa số 188, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: N, xã Y, huyện L, Hòa Bình; số vào sổ cấp GCN: CH06611, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 31/12/2015.

2.4. Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Phạm Văn H tự nguyện nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Tại biên lai số 0005721 ngày 31/10/2019, anh H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nay anh H được nhận lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- CCTHA huyện Lạc Thủy;
- VKSND huyện Lạc Thủy;
- UBND xã Y;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Hiền

